

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK AN BẢO MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK AN BẢO MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XNK AN BAO MINH TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN BAO MINH.,Ltd

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110818020

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 11, Ngách 79/44, Nghĩa Lộ, Tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987.882.550

Fax:

Email: ngocdk.abm@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                     | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                      | 2620     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                 | 2630     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                             | 2640     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                              | 2740     |
| 6.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                      | 2750     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                    | 2790     |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                     | 3312     |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                         | 3313     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                         | 3314     |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                        | 3320     |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                             | 4223     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                          | 4322     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                 | 4329     |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                 | 4330     |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                            | 4390     |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                            | 4651     |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                             | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị camera quan sát, hệ thống báo cháy, báo trộm, hệ thống nhà thông minh                  | 4669        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                        | 4690(Chính) |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 26. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 28. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4783        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                      | 4791        |
| 30. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm                                                                                                                        | 5820        |
| 31. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201        |
| 32. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209        |
| 34. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311        |
| 35. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                               | 6312        |
| 36. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                           | 6399        |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát, tư vấn, thiết kế các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.        | 7110        |
| 38. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                               | 7212        |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                           | 7410        |
| 40. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động chuyển giao công nghệ                                               | 7490        |

|     |                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                           | 7730 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                             | 8220 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **ĐỖ KHẮC NGỌC**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *15/08/1985* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001085039509*

Ngày cấp: *23/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 11, Ngách 79/44, Nghĩa Lộ, Tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 11, Ngách 79/44, Nghĩa Lộ, Tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **ĐỖ KHẮC NGỌC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/08/1985* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001085039509*

Ngày cấp: *23/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 11, Ngách 79/44, Nghĩa Lộ, Tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 11, Ngách 79/44, Nghĩa Lộ, Tổ 5, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội